

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TỪ TRÌNH ĐỘ
ĐẠI HỌC LÊN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế

Mã số: 60310106

Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Quy chế đào tạo sau đại học do Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 160/QĐ-ĐHQG ngày 24 tháng 03 năm 2017.
- Quy định tạm thời về đào tạo liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo quyết định số 650/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 6 năm 2019.
- Thông tư Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Quyết định Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Trang bị cho học viên những kiến thức chuyên môn nâng cao, có trách nhiệm, phát triển các kỹ năng nghề nghiệp, có khả năng nghiên cứu, làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo đội ngũ những chuyên gia, nhà quản lý có kiến thức chuyên môn sâu trong hoạch định và triển khai hoạt động kinh tế quốc tế.
- Đào tạo đội ngũ những chuyên gia, nhà quản lý có kỹ năng chuyên môn cao, khả năng nhận biết và giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh tế quốc tế;
- Đào tạo đội ngũ quản lý có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao với môi trường kinh tế quốc tế luôn thay đổi.

3. CHUẨN ĐẦU RA

TT	Mức độ ⁽¹⁾	Chuẩn đầu ra
1	(4)	Kiến thức và lập luận ngành
1.1	(4)	<i>Kiến thức cơ bản</i>
1.1.1	(4)	Phân tích các kiến thức về con người và thế giới quan, phương pháp luận khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn và định hướng các hành động thực tiễn
1.1.2	(3)	Áp dụng kiến thức phương pháp viết luận văn để hoàn thành luận văn tốt nghiệp
1.2	(4)	<i>Kiến thức cơ sở ngành kinh tế và kinh tế quốc tế</i>
1.2.1	(4)	Đo lường và ước lượng về mặt thống kê mối quan hệ giữa các biến số kinh tế
1.2.2	(4)	Phân tích các lý thuyết và chính sách thương mại để xác định/ tính toán các tác động của thương mại quốc tế, chính sách thương mại đến các bên liên quan
1.3	(5)	<i>Kiến thức chuyên ngành kinh tế quốc tế</i>
1.3.1	(4)	Phân tích các chính sách tỷ giá, chính sách tiền tệ, cán cân thanh toán, nợ nước ngoài, ... đề xuất phương pháp giải quyết các vấn đề về tài chính quốc tế
1.3.2	(4)	Xây dựng các chiến lược đầu tư gián tiếp và trực tiếp nước ngoài
1.3.3	(5)	Đánh giá các nguyên tắc, đường lối kinh tế đối ngoại trong đề xuất giải pháp chính sách thương mại
1.3.4	(5)	Phân tích và thiết kế hệ thống hậu cần trong nước và quốc tế
1.3.5	(5)	Đề xuất giải pháp thu hút nhân tài nước ngoài, tạo ra môi trường văn hóa làm việc dung hòa giữa các nhân sự đến từ nhiều quốc gia khác nhau.
1.3.6	(5)	Đề xuất các kiến nghị giải quyết các vấn đề đàm phán, bảo mật thông tin, khởi nghiệp...
1.3.7	(5)	Bảo vệ luận văn tốt nghiệp

2	(4)	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp
2.1	(4)	<i>Đánh giá cơ hội và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế</i>
2.1.1	(4)	Xác định vấn đề
2.1.2	(4)	Phân tích định tính
2.1.3	(4)	Phân tích định lượng
2.1.4	(4)	Đánh giá cơ hội
2.2	(4)	<i>Tư duy hệ thống</i>
2.2.1	(4)	Phân tích, đánh giá vấn đề theo các khía cạnh khác nhau đạt được tính chính xác cao
2.2.2	(5)	Phát triển tư duy hệ thống để giải quyết vấn đề
2.3	(4)	<i>Tư tưởng và thái độ học tập</i>
2.3.1	(4)	Học tập suốt đời
2.3.2	(4)	Quản lý thời gian và nguồn lực hiệu quả
2.4	(4)	<i>Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác</i>
2.4.1	(4)	Trung thực và trách nhiệm đối với mọi người và xã hội
2.4.2	(4)	Ứng xử chuyên nghiệp
2.4.3	(4)	Tầm nhìn và định hướng rõ ràng, hợp lý
2.4.4	(4)	Trung thành và gắn bó với tổ chức
3	(4)	Kỹ năng giao tiếp trong bối cảnh 4.0
3.1	(4)	<i>Giao tiếp bằng ngoại ngữ</i>
3.1.1	(4)	Đủ điều kiện ngoại ngữ quy định tại Điều 9 của Quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
3.2	(4)	<i>Giao tiếp ứng xử và phát triển mạng lưới quan hệ trong bối cảnh công nghệ 4.0</i>
3.2.1	(4)	Kết hợp công nghệ 4.0 trong giao tiếp kinh doanh
3.2.2	(4)	Xây dựng và phát triển mạng lưới quan hệ trong bối cảnh 4.0
4	(4)	Năng lực thực hành nghề nghiệp
4.1	(4)	<i>Phân tích bối cảnh kinh doanh</i>
4.1.1	(4)	Đánh giá bối cảnh kinh doanh/kinh tế trong nước
4.1.2	(4)	Đánh giá bối cảnh kinh doanh/kinh tế quốc tế
4.2	(4)	<i>Đề xuất ý tưởng chính sách/ dự án giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế quốc tế</i>
4.2.1	(4)	Đánh giá cơ sở thực hiện ý tưởng

4.2.2	(4)	Định hướng chính sách và hình thành ý tưởng dự án
4.3	(4)	<i>Thiết kế chính sách/dự án thuộc lĩnh vực kinh tế quốc tế</i>
4.3.1	(4)	Thiết kế chính sách/dự án đáp ứng các mục tiêu, hiệu quả
4.3.2	(4)	Thiết kế chính sách/ dự án đảm bảo tính bền vững
4.4	(5)	<i>Đánh giá chính sách/dự án thuộc lĩnh vực kinh tế quốc tế</i>
4.4.1	(5)	Thẩm định chính sách/dự án KTQT
4.4.2	(5)	Điều chỉnh, phát triển chính sách/dự án KTQT

(1) Bloom's Scale

4. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

4.1. Thời gian đào tạo: từ 4,5 - 5,5 năm

4.2. Hình thức đào tạo: chính quy, bán thời gian.

5. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ SỐ LƯỢNG TÍN CHỈ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 190 tín chỉ, không gồm Ngoại ngữ.

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC – THẠC SĨ (ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU)

Chương trình đào tạo trình độ đại học	Khối kiến thức cơ bản: 36 TC	Số tín chỉ tối đa cho phép công nhận giữa 2 chương trình: 30 tín chỉ các môn học trình độ đại học.
	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 94 TC	
Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ	Khối kiến thức chung: 4 TC	
	Khối kiến thức bắt buộc: 24 TC	
	Khối kiến thức tự chọn: 18 TC	
	Luận văn: 14 TC	

DANH MỤC CÁC MÔN HỌC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐƯỢC XÉT CÔNG NHẬN CHO CÁC MÔN HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

CÁC MÔN HỌC CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ				CÁC MÔN TƯƠNG ỨNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC			
STT	MÃ MH	TÊN MÔN HỌC	SỐ TC	MÃ MH	TÊN MÔN HỌC	SỐ TC	BẮT BUỘC/ TỰ CHỌN
Các môn bắt buộc							
1	COM2002	Đầu tư quốc tế nâng cao	3	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	TC
2	COM2003	Kinh tế đối ngoại nâng cao	3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	BB
3	COM2011	Logistics quốc tế	3	COM1011	Logistics	3	BB
4	COM2006	Kinh doanh quốc tế nâng cao	3	COM1005	Kinh doanh quốc tế	4	BB
5	COM2001	Tài chính quốc tế nâng cao	3	COM1007	Chính sách tài chính quốc tế	3	BB
Các môn tự chọn							
1	COM2019	Khởi nghiệp quốc tế	3	COM1028	Khởi nghiệp	3	TC
2	COM2007	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	BB
3	COM2017	Phân tích dữ liệu kinh tế	3	MAT1010	Phân tích dữ liệu trong kinh tế	3	BB
4	COM2011	Quản trị dự án quốc tế	3	ECO1005	Lập & Thẩm định dự án đầu tư	3	BB
5	LAW2556	Luật sở hữu trí tuệ	3	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	TC
6	COM2022	Quản trị mua hàng toàn cầu	3	COM1033	Quản trị mua hàng toàn cầu	3	TC
TỔNG TÍN CHỈ						30	

6. YÊU CẦU VỀ ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Hình thức xét tuyển.

Người dự tuyển là sinh viên năm 3, năm 4 chuyên ngành Kinh tế quốc tế (Kinh tế Đối ngoại) có số tín chỉ tích lũy đến thời điểm xét tuyển đạt trên 50% chương trình đào tạo đang theo học, điểm trung bình tích lũy đạt loại khá trở lên (điểm trung bình tích lũy từ 7,0 điểm trở lên, theo thang điểm 10).

7. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Người học sau khi hoàn thành phần trình độ đại học và đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định đào tạo trình độ đại học được xét tốt nghiệp và cấp bằng đại học.

- Người học sau khi hoàn thành phân trình độ thạc sĩ và đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định đào tạo trình độ thạc sĩ được xét tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ:
 - a. Hoàn thành chương trình đào tạo: tích lũy đủ số tín chỉ theo danh mục các môn học của chương trình đào tạo.
 - b. Bảo vệ thành công Luận văn thạc sĩ trước Hội đồng chấm luận văn Thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Luật.
 - c. Đủ điều kiện ngoại ngữ quy định tại Điều 9 của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
 - d. Học viên phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nghĩa vụ, nội quy học tập và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

8.1. HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC: 130 tín chỉ

8.1.1. Khối kiến thức cơ bản (kiến thức giáo dục đại cương): 36 tín chỉ

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
1.1	Lý luận chính trị Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 tín chỉ		11	11		
Môn học bắt buộc (11 TC)			11	11		
1	GEN1007	Triết học Mác – Lênin	3	3		
2	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
3	GEN1009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		
4	GEN1010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		
5	ECO1051	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2		
1.2	Khoa học xã hội: 4 tín chỉ		4	4		
Môn tự chọn (4 TC)			4	4		
1	GEN1105	Văn hóa học	2	2		3 chọn 1
2	GEN1106	Xã hội học	2	2		
3	GEN1110	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2		
4	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	2		3 chọn 1
5	GEN1104	Quan hệ quốc tế	2	2		
6	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		
1.3	Nhân văn – Kỹ năng: 4 tín chỉ		4	4		
Môn tự chọn (4 TC)			4	4		

1	GEN1101	Tâm lý học	2	2		3 chọn 1
2	GEN1102	Nhập môn giao tiếp	2	2		
3	GEN1108	Nhân học đại cương	2	2		
4	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2		2 chọn 1
5	GEN1112	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	2	2		
1.4	Khoa học pháp lý: 6 tín chỉ		6	6		
Môn học bắt buộc (6 TC)			6	6		
1	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3		
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3		
1.5	Khoa học tự nhiên: 2 tín chỉ		2	2		
Môn học tự chọn: (2 TC)			2	2		
1	GEN1107	Logic học	2	2		3 chọn 1
2	MIS1105	Chuyển đổi số & Trí tuệ nhân tạo	2	2		
3	ECO1060	Kinh tế số	2	2		
1.6	Khoa học kinh tế: 9 tín chỉ		9	9		
Môn học bắt buộc (9 TC)			9	9		
1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3	3		
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		
3	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3		
1.7	Ngoại ngữ không chuyên: 20 tín chỉ					
1.8	Giáo dục thể chất: 6 tín chỉ		6			
1.9	Giáo dục quốc phòng: 165 tiết (4 tuần), tương ứng 5 tín chỉ.		5			

8.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 94 tín chỉ

8.1.2.1. Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: 20 tín chỉ

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Môn học bắt buộc (20 TC)			20	17	3	
1	MAT1101	Toán cao cấp	3	3		
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2		
3	MAT1103	Thống kê ứng dụng	2	1	1	
4	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	2	1	
5	FIN1102	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3		
6	BUS1200	Marketing căn bản	3	2	1	
7	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	2		
8	COM1001	Kinh tế quốc tế	2	2		

8.1.2.2. Khối kiến thức chung nhóm ngành (Kinh tế): 12 tín chỉ

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Môn học bắt buộc (12 TC)			12	9		
1	MAT1004	Kinh tế lượng	3	3		
2	MAT1010	Phân tích dữ liệu trong kinh tế	3	3		
3	ECO1004	Lịch sử kinh tế Việt Nam & các nước	3	3		
4	ECO1005	Lập & Thẩm định dự án đầu tư	3	3		

8.1.2.3 Kiến thức ngành chính: 52 tín chỉ

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc (37 TC)			37	33	4	
1	COM1013	Giới thiệu ngành KTĐN	3	2	1	
2	LAW1518	Luật thương mại quốc tế	3	3		
3	COM1032	Kinh tế đối ngoại	3	3		
4	BUS1213	Marketing quốc tế	3	3		
5	COM1007	Chính sách tài chính quốc tế	3	3		
6	COM1035	Kinh doanh quốc tế	4	3	1	
7	COM1010	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	2	1	
8	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3		
9	COM1012	Thanh toán quốc tế	3	3		
10	COM1011	Logistics	3	3		
11	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3		
12	COM1023	Quản trị xuất nhập khẩu	3	2	1	
Các môn học tự chọn (15 TC)			15			
1	COM1042	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			5 chọn 2
2	MIS1034	Thương mại điện tử	3			
3	COM1036	Đe dọa từ không gian mạng và toàn cầu hoá	3			

4	COM1027	Giao dịch thương mại quốc tế	3			
5	COM1038	Kỹ năng học thuật	3			
6	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3			2 chọn 1
7	COM1022	Quản trị chuỗi cung ứng	3			
8	COM1028	Khởi nghiệp	3			4 chọn 2
9	COM1018	Đầu tư quốc tế	3			
10	BUS1125	Mô hình kinh doanh số	3			
11	COM1033	Quản trị mua hàng toàn cầu	3			

8.1.2.4. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp hoặc các HPCM: 10 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Môn bắt buộc: 6 TC			6	
1	COM1030	Kiến tập	2		2	
2	COM1031	Thực tập cuối khóa	4		4	
		Môn tự chọn: 4 TC	4			
1		Khóa luận tốt nghiệp	4	4		
2	COM1046	Chuyên môn cuối khoá 1: Thuế & Thủ tục hải quan (Đối với SV không làm khoá luận tốt nghiệp)	2	2		
	COM1047	Chuyên môn cuối khoá 2: Chính sách thương mại quốc tế (Đối với SV không làm khoá luận tốt nghiệp)	2	2		

Ghi chú:

- Tất cả sinh viên đều phải đi thực tập chuyên môn cuối khóa, hoàn tất báo cáo thực tập, tương đương 6 TC.
- Sinh viên chọn làm Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 chuyên môn cuối khóa (4 tín chỉ) thực hiện trong học kỳ 8. Khóa luận tốt nghiệp sẽ bảo vệ trước Hội đồng.

8.1.2.5 Khối kiến thức ngoại ngữ: 20 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	EN01	Tiếng Anh tổng quát 1	5	4	1		Đầu vào B1.2 (trương đương TOEIC 2 kỹ năng nghe đọc: 316 - 400)
2	EN02	Tiếng Anh tổng quát 2	5	4	1		Đầu vào B1.3 (trương đương TOEIC 2 kỹ năng nghe đọc: 401 - 475)
3	EN03	Tiếng Anh TOEIC 1 (4 kỹ năng)	5	4	1		Đầu vào B1.4 (trương đương TOEIC 2 kỹ năng nghe đọc: 476 - 550)
4	EN04	Tiếng Anh TOEIC 2 (4 kỹ năng)	5	4	1		Đầu vào B2.1 (trương đương TOEIC 2 kỹ năng nghe đọc: 551 - 670)

8.2. HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ: 60 tín chỉ (không bao gồm Ngoại ngữ)

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
		I. Khối kiến thức chung	4	2	2
1		Triết học	4	2	2
		II. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	42	27	15
		Các môn bắt buộc	24	16	8
2	MAT2016	Kinh tế lượng nâng cao	3	2	1
3	COM2015	Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết luận văn	3	2	1
4	COM2005	Lý thuyết và chính sách thương mại	3	2	1
5	COM2001	Tài chính quốc tế nâng cao	3	2	1
6	COM2002	Đầu tư quốc tế nâng cao	3	2	1
7	COM2003	Kinh tế đối ngoại nâng cao	3	2	1
8	COM2006	Kinh doanh quốc tế nâng cao	3	2	1
9	COM2013	Logistics quốc tế	3	2	1
		Các môn tự chọn	18	12	6
10	COM2004	Leadership	3	2	1
11	COM2011	Quản trị dự án quốc tế	3	2	1
12	COM2019	Khởi nghiệp quốc tế	3	2	1
13	COM2007	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	2	1
14	COM2012	Quản trị chuỗi cung ứng	3	2	1

15	COM2022	Quản trị mua hàng toàn cầu	3	2	1
16	COM2025	Quản trị tồn kho và phân phối	3	2	1
17	COM2014	Quản trị đa văn hóa	3	2	1
18	COM2017	Phân tích dữ liệu kinh tế	3	2	1
19	COM2030	Bảo mật thông tin trong bối cảnh toàn cầu hoá	3	2	1
20	LAW2558	Luật sở hữu trí tuệ	3	2	1
21	LAW2556	Luật hợp đồng thương mại	3	2	1
III. Luận văn thạc sỹ			14		

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

TT	Mã MH	MÔN HỌC	Số tín chỉ		Lý thuyết	Thực hành	Điều kiện tiên quyết	
			Tổng				Tích lũy	Đã học và thi
		HỌC KỲ 1 (Chương trình Đại học)	17					
		Môn học bắt buộc	15					
1	COM1013	Giới thiệu ngành Kinh tế đối ngoại	3		2	1		
2	GEN1007	Triết học Mác-Lênin	3		3			
3	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3		3			
4	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3		3			
5	MAT1101	Toán cao cấp (3TC)	3		5			
		Môn học tự chọn	2					
6	GEN1101	Tâm lý học đại cương	3 chọn 1	2	2			
7	GEN1102	Nhập môn giao tiếp		2	2			
8	GEN1108	Nhân học đại cương		2	2			
9	GEN1004	Giáo dục thể chất 1		3	3			
		HỌC KỲ 2 (Chương trình Đại học)	20					
		Môn học bắt buộc	16					
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3		3			
2	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2			
3	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3		3			ECO1001
4	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3		3			
5	BUS 1100	Quản trị học căn bản	3		3			
6	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2		2			MAT1101

		Môn học tự chọn	4		4			
7	GEN1103	Địa chính trị thế giới	3 chọn 1	2	2			
8	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2			
9	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới		2	2			
10	GEN1105	Văn hóa học	3 chọn 1	2	2			
11	GEN1106	Xã hội học		2	2			
12	GEN1110	Cơ sở văn hoá Việt Nam		2	2			
13	GEN1005	Giáo dục thể chất 2		3	3			
14	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)		165t				
		HỌC KỲ 3 (Chương trình Đại học)	15					
		Môn học bắt buộc	13		14			
1	ECO1051	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2		2			
2	ECO1004	Lịch sử kinh tế Việt Nam & các nước	3		3			
3	BUS 1200	Marketing căn bản	3		3			
4	FIN1102	Nguyên lý thị trường tài chính	3		3			
5	MAT1103	Thống kê ứng dụng	2		2			MAT1002
		Môn học tự chọn	2					
7	BUS1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm	2 chọn 1	2	2			
8	GEN1112	Nghiệp vụ hành chính văn phòng		2	2			
		HỌC KỲ 4 (Chương trình Đại học)	20					
		Môn học bắt buộc	12					
1	GEN1009	Lịch sử Đảng CSVN	2		2			
2	COM1001	Kinh tế quốc tế	2		2			ECO1001
3	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2		1	1		
4	MAT1004	Kinh tế lượng	3		3			MAT1103
5	LAW1518	Luật thương mại quốc tế	3		3			
		Môn học tự chọn	8					
6	MIS1105	Chuyên đổi số & Trí tuệ nhân tạo	3 chọn 1	2	1	1		
7	GEN1107	Logic học		2	2			
8	ECO1060	Kinh tế số		2	2			

9	MIS1034	Thương mại điện tử	5 chọn 2	3				
10	COM1036	Đe dọa từ không gian mạng và toàn cầu hoá		3				
11	COM1027	Giao dịch thương mại quốc tế		3				
12	COM1038	Kỹ năng học thuật		3				
13	COM1042	Phương pháp nghiên cứu khoa học		3				MAT1103
		HỌC KỲ 5 (Chương trình liên thông Đại học - Thạc sĩ)	21					
		Môn học bắt buộc	18					
1	GEN1010	Chủ nghĩa XHKH	2		2			
2	COM1032	Kinh tế đối ngoại*	3		3			
3	BUS1213	Marketing quốc tế	3		2	1		
4	COM1007	Chính sách tài chính quốc tế*	3					COM1001
5	COM1035	Kinh doanh quốc tế*	4					
6	MAT1010	Phân tích dữ liệu trong kinh tế*	3					MAT1004
		Môn học tự chọn	3					
7	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ*	2 chọn 1	3	3			
8	COM1022	Quản trị chuỗi cung ứng*		3	2	1		MAT1103
		HỌC KỲ 6 (Chương trình liên thông Đại học - Thạc sĩ)	17					
		Môn học bắt buộc	11					
1	COM1010	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3		2	1		
2	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3		3			
3	COM1012	Thanh toán quốc tế	3					COM1007
4	COM1030	Kiến tập	2			2		
		Môn học tự chọn chuyên sâu	6					
5	COM1028	Khởi nghiệp*	4 chọn 2	3	2	1		
6	COM1018	Đầu tư quốc tế*		3	2	1		
7	BUS1125	Mô hình kinh doanh số		3	3			

8	COM1033	Quản trị mua* hàng toàn cầu		3	2	1		COM1022 hoặc COM1024
		HỌC KỲ 7 (Chương trình liên thông Đại học - Thạc sĩ)	12					
		Môn học bắt buộc	12					
1	ECO1005	Lập & Thẩm định dự án đầu tư*	3		2	1		ACC1013
2	COM1011	Logistics*	3		2	1		MAT1103
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế*	3		3			
4	COM1023	Quản trị xuất nhập khẩu	3					
		HỌC KỲ 8 (Chương trình Đại học)	8					
		Môn học bắt buộc	4		4			
1	COM1031	Thực tập tốt nghiệp	4					COM1030
		Môn học tự chọn chuyên sâu	4					
		Đối với SV làm khóa luận TN		4		4		
2	COM1041	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>						COM1031
		Đối với SV không làm khóa luận TN		4	4			
3	COM1046	<i>Thuế & thủ tục hải quan (Chuyên môn cuối khoá 1)</i>		2	2			
4	COM1047	<i>Chính sách thương mại quốc tế (Chuyên môn cuối khóa 2)</i>		2	2			
		HỌC KỲ 8-9 (Chương trình Thạc sĩ)						
1		Triết học	4		2	2		
		Môn học bắt buộc	9					
2	MAT2016	Kinh tế lượng nâng cao	3		2	1		
3	COM2015	Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết luận văn	3		2	1		
4	COM2005	Lý thuyết và chính sách thương mại	3		2	1		
		Môn học tự chọn	3					

1	COM2030	Bảo mật thông tin trong bối cảnh toàn cầu hoá	3		2	1		
2	COM2004	Leadership	3		2	1		
3	COM2025	Quản trị tồn kho và phân phối	3		2	1		
4	COM2014	Quản trị đa văn hóa	3		2	1		
5	LAW2556	Luật hợp đồng thương mại	3		2	1		
		HỌC KỲ 10 (Chương trình Thạc sĩ)	14					
1		Seminar NCKH	0		0	0		
2		Luận văn thạc sỹ	14					

(*): Khối kiến thức/môn học đại học được xét miễn khi học khối kiến thức/môn học Thạc sĩ. Xem bảng trong mục 5.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS HOÀNG CÔNG GIA KHÁNH